

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNV ngày 04/9/2019 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2020; Công văn số 5932/BNV-TCBC ngày 04/12/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2019;

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2019 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2020 của Thành phố như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-HĐND NGÀY 05/12/2018 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp

Ngày 07/12/2018, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 6688/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi, ngân sách năm 2019 của thành phố Hà Nội, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao. Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện khoa học, kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động ngay từ đầu năm. Số thực hiện trong năm luôn thấp hơn số HĐND Thành phố giao.

2. Về thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nghị quyết của Chính phủ

2.1. Về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy

Năm 2019, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo sắp xếp các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Kết quả đến nay:

Thành lập Chi cục Chăn nuôi và Thú y trên cơ sở sáp nhập Phòng Chăn nuôi và Chi cục Thú y; Thành lập Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trên cơ sở sáp nhập Phòng Trồng trọt và Chi cục Bảo vệ thực vật; thành lập Trung tâm phát triển nông nghiệp trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng thuộc Sở Nông nghiệp; Sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc đô thị thuộc Sở QHKT vào Viện Quy hoạch xây dựng; tổ chức lại Đại học Thủ đô Hà Nội. Quy định lại chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất, Viện Quy hoạch xây dựng, Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.

Thực hiện Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020, Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng Đề án chính quyền đô thị, xây dựng Kế hoạch triển khai, hoàn thành dự thảo Đề án và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà quản lý và tổ chức khảo sát trên 8.000 phiếu để lấy ý kiến của người dân. Ngày 19/4/2019, Bộ Chính trị đã thông qua tại Kết luận số 46-KL/TW về Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Ngày 18/5/2019, Thành ủy Hà Nội ban hành Kế hoạch số 139-KH/TU về việc thực hiện Kết luận số 46-KL/TW ngày 19/4/2019 của Bộ Chính trị về Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Ngày 31/5/2019, UBND thành phố ban hành Văn bản số 2253/UB-TH về việc tổ chức thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Thành ủy Hà Nội về Đề án Chính quyền đô thị. Ngày 23/8/2019, UBND Thành phố Hà Nội cũng đã có Tờ trình số 153/TTr-UBND báo cáo Chính phủ trình Quốc hội về Đề án, Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND phường và một số cơ chế chính sách đặc thù đối với thành phố. Hiện, Bộ Tư pháp đang tổ chức hội đồng thẩm định đối với các dự thảo Nghị quyết của Quốc hội.

Ngoài ra, trong năm 2019 Thành phố đã hoàn thiện Đề án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội gửi xin ý kiến Thường trực Thành ủy; ban hành Quyết định số 5241/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 triển khai Đề án sắp xếp các thôn, tổ dân phố, Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 20/9/2019 sắp xếp các đơn vị hành chính; đang triển khai phương án sắp xếp Ban QLDA quy hoạch kiến trúc thuộc Sở Quy hoạch kiến trúc, Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố thuộc Văn phòng UBND Thành phố trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị: Trung tâm Tin học - Công báo Thành phố, Trung tâm Dữ liệu nhà nước Thành phố, Công Giao tiếp điện tử Thành phố.

2.2. Về tình hình giảm biên chế

Trong năm 2019, Thành phố đã giải quyết tình giảm biên chế 237 người theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, lũy kế thực hiện từ năm 2015 đến nay là 21 đợt, tình giảm 1.001 người (145 công chức, 686 viên chức, 158 công chức cấp xã, 01 cán bộ quản lý doanh nghiệp, 02 người làm việc ở các hội được giao biên chế, 09 lao động hợp đồng 68).

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh tinh giản biên chế làm cơ sở cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, UBND Thành phố đã hoàn thành xây dựng Cơ chế đặc thù khuyến khích đối tượng nghỉ tự nguyện tinh giản biên chế báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét. Ngày 31/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về tinh giản biên chế, trong đó đã tiếp thu, bổ sung 4/5 nhóm đối tượng tự nguyện tinh giản biên chế do thành phố Hà Nội đề xuất. Sở Nội vụ đã ban hành văn bản số 609/SNV-TCBC ngày 27/3/2019 triển khai, hướng dẫn bổ sung một số nội dung thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

3. Về đề án vị trí việc làm và công tác tuyển dụng

3.1. Về đề án vị trí việc làm

Thành phố đã hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong toàn bộ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan đơn vị rà soát cơ cấu công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm, thực hiện nghiêm việc sắp xếp theo đúng khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt (bảng cấp chuyên môn, kinh nghiệm công tác, khả năng đáp ứng công việc...). Bước đầu đã phát huy được trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sở trường công tác của từng cán bộ; các cán bộ có thể thực hiện các công việc có tính tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng làm ở các vị trí khác nhau để thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ hoặc thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định. Năm 2019, toàn bộ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá, quy hoạch ... đều thực hiện đúng theo Đề án vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt.

3.2. Về công tác tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được tổ chức đảm bảo đúng quy định. Năm 2019, Thành phố đã tổ chức sát hạch vào công chức 155 trường hợp có kinh nghiệm công tác từ đủ 05 năm trở lên; tuyển dụng công chức vào làm việc tại các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã đối với 276 trường hợp; tuyển dụng công chức cấp xã thuộc 30 quận, huyện, thị xã và tổ chức kỳ thi tốt nghiệp kết hợp với thi tuyển công chức nguồn cơ sở đối với 691 trường hợp. UBND Thành phố cũng đã ban hành các Quyết định phê duyệt kế hoạch về tuyển dụng viên chức về làm việc tại các đơn vị: Báo Kinh tế và Đô thị; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình văn hóa - xã hội Thành phố; Ban Quản lý Đường sắt đô thị; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Hà Nội; Trường Đại học Thủ đô; Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh; Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội; Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc; các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các quận, huyện: Đông Anh, Long Biên, Nam Từ Liêm; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhằm thu hút, trọng dụng nhân tài, UBND Thành phố cũng đã phê duyệt kế hoạch xét tuyển, xét tuyển đặc cách cho 25 bác sỹ nội trú, 57 vận động viên và nghệ sỹ có thành tích cao. Ngoài ra, UBND Thành phố đã hoàn thành tuyển dụng kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục 11.182 chỉ tiêu, phê duyệt kế hoạch và đang tổ chức tuyển dụng viên chức y tế 3.448 chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

4. Về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ, sang công ty cổ phần

Để đẩy mạnh chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ, ngày 19/02/2019, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND về việc triển khai thực hiện nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2021 (thay thế Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2018). Theo đó, phần đầu nâng mức tự chủ chỉ thường xuyên đợt 2 là 196 đơn vị sự nghiệp công lập, tổng đơn vị tự chủ chỉ thường xuyên 02 đợt là 296 đơn vị, vượt so với chỉ tiêu 257 đơn vị theo Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Theo Kế hoạch, năm 2020 sẽ chuyển thêm 16 đơn vị sự nghiệp sang tự chủ với 3.637 biên chế, lũy kế thực hiện 141 đơn vị chuyển sang tự chủ với 17.066 biên chế không hưởng lương ngân sách.

UBND Thành phố cũng đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ thống nhất danh mục 05 đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2017-2020 (gồm: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội trực thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Hà Nội trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Nhà khách UBND Thành phố trực thuộc Văn phòng UBND Thành phố), và ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và triển khai công tác cổ phần hóa đối với 05 đơn vị sự nghiệp nêu trên. Hiện nay, UBND Thành phố giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện các bước công việc theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định về sắp xếp lại, xử lý tài sản công, xây dựng phương án sử dụng đất saucổ phần hoá và các bước theo trình tự, thủ tục cổ phần hoá.

5. Về chấm dứt ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn

Năm 2019, UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo tại Quyết định số 6688/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 (Khoản 3, Điều 2), yêu cầu các cơ quan, đơn vị: Thực hiện nghiêm và không được tự ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, kiên quyết chấm dứt theo Nghị quyết của HĐND Thành phố; xây dựng kế hoạch thi tuyển, nếu thi tuyển không đỗ chấm dứt hợp đồng; xây dựng kế hoạch để xử lý xong dứt điểm 242 lao động hợp đồng theo chỉ tiêu của lực lượng thanh tra xây dựng cũ đang tồn tại tại Thanh tra Sở Xây dựng và các Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị cấp huyện.

Các đơn vị báo cáo sẽ chấm dứt hoàn toàn lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn chậm nhất ngày 31/12/2019 sau khi có kết quả tuyển dụng công chức cấp huyện, cấp xã và viên chức sự nghiệp. Riêng đối với chỉ tiêu hợp đồng định mức của lực lượng thanh tra xây dựng cũ, các đơn vị đề nghị có lộ trình thực hiện trong giai đoạn thí điểm 02 năm thực hiện mô hình Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (hiệu lực đến ngày 10/8/2020).

6. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá công chức, viên chức; cải cách hành chính; thanh, kiểm tra.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được chú trọng theo Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm gắn với việc hoàn thiện, bổ sung kiến thức theo vị trí việc làm. Ngày 21/02/2019, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 859/QĐ-UBND về việc tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, lãnh đạo quản lý theo Đề án nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội năm 2019. Kết quả: đã cử đi đào tạo sau đại học và hỗ trợ kinh phí đối với 86 trường hợp công chức, viên chức; cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn ở nước ngoài đối với 253 trường hợp; tổ chức 09 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thành phố đối với 712 học viên; 6 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã đối với 578 học viên; tổ chức 02 lớp chuyên sâu về định hướng phát triển đô thị tăng trưởng xanh đối với 124 học viên.

Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức của Thành phố có nhiều đổi mới; trách nhiệm của người đứng đầu trong đánh giá, phân loại cán bộ, công chức được đề cao. Năm 2019, tập trung nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 3814-QĐ/TU ngày 16/5/2018 của Thành ủy về ban hành Quy định khung tiêu chí đánh giá hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội; tiếp tục thực hiện việc Giám đốc các sở chuyên ngành chấm điểm Trưởng các phòng chuyên môn cấp sở và UBND cấp huyện, Chủ tịch cấp huyện chấm điểm Chủ tịch cấp xã... để thêm một kênh thông tin hỗ trợ cho công tác đánh giá cán bộ. Đến nay, việc đánh giá, xếp loại hằng tháng trong cơ quan đã đi vào nề nếp, kết quả đánh giá, xếp loại hàng tháng của cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng là căn cứ để bình xét khen thưởng hàng tháng; là căn cứ chính để đánh giá, xếp loại thi đua đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hàng năm. Đây là cơ sở để bố trí, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với theo quy định và theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Công tác cải cải hành chính năm 2019 đạt kết quả tốt, trong năm Trung ương công bố Chỉ số CCHC của Thành phố Hà Nội năm 2018 tiếp tục xếp hạng rất cao, đứng thứ 2/63 tỉnh, Thành phố, tiếp tục ổn định và duy trì thứ hạng cao của năm 2017, tăng 01 bậc so với năm 2016; Chỉ số phát triển công nghiệp CNTT (ICTNEWS) tiếp tục dẫn đầu cả nước, đứng đầu toàn quốc về số lượng hồ sơ giao dịch qua mạng. Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018 đặt dấu ấn khi lần đầu tiên Hà Nội bước vào TOP 10 PCI (đứng thứ 09/63 tỉnh, Thành phố); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố (SIPAS) tăng 26 bậc. Cải cách TTHC theo cơ chế một cửa liên thông tiếp tục được đẩy mạnh, thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong cung ứng dịch vụ công tại các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã được giao cung ứng dịch vụ công ích; là địa phương đi đầu và tiên phong trong việc vận hành hệ thống một cửa trực tuyến dùng chung 3 cấp từ Thành phố đến xã, phường, thị trấn

Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kỷ cương hành chính luôn được thực hiện thường xuyên, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra việc quản lý tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế, vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố. Năm 2019, Sở Nội vụ đã thực hiện thanh tra nội vụ 02 đơn vị về việc chấp hành chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, tiền lương, bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; kiểm tra công vụ đối với 19 đơn vị; kiểm tra cải cách hành chính đối với 15 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra đã đề nghị một số cơ quan, đơn vị khắc phục tồn tại, thiếu sót để phục vụ công dân, tổ chức ngày càng tốt hơn. Đặc biệt, ngày 08/6/2019 UBND Thành phố đã tổ chức Hội nghị quán triệt kỷ cương hành chính và phát động phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thi đua thực hiện văn hóa công sở và nơi công cộng” đối với gần 4.000 cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ.

7. Về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 11/3/2019 về việc thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 01/11/2018 của Thành ủy Hà Nội. Hiện nay, các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã đều đã ban hành kế hoạch và đang tổ chức các bước triển khai theo quy định.

8. Về rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế

Thực hiện Quy định số 03-QĐi/TU của Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và các quy định mới về công tác cán bộ, ngày 11/9/2019, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã (thay thế Quyết định số 43/2010/QĐ-UBND ngày 6/9/2010 Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 21/8/2017, Thành phố không thành lập thêm tổ dân phố, đồng thời chỉ đạo tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy thôn, tổ dân phố, lực lượng cán bộ công chức xã, người làm việc không chuyên trách tinh gọn và hiệu quả. Ngày 23/9/2019, UBND Thành phố

cũng đã ban hành Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Hiện nay, UBND Thành phố đang xem xét dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội, thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND và 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố; đảm bảo công việc triển khai giữa các cấp được thông suốt, đúng quy định.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2020

1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

Quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu 10%.

1.1. Biên chế công chức năm 2020

Thực hiện giảm 2%, đúng theo số biên chế Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 717/QĐ-BNV ngày 04/9/2019. Biên chế được phân bổ cho các sở ngành, quận, huyện, thị xã trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm và khối lượng công việc được giao.

Nguyên tắc phân bổ:

- Cơ bản giảm đều tỷ lệ 2% đối với tất cả các cơ quan (theo tỷ lệ giảm của Bộ Nội vụ), riêng đối với 04 quận trung tâm cũ: Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa thực hiện tỷ lệ giảm cao hơn là 3% do là các quận đã ổn định, biên chế lớn.
- Giữ nguyên biên chế đối với: các đơn vị có số giao thấp, số có mặt đủ cơ cấu theo vị trí việc làm, không thể giao thấp hơn; các quận có tốc độ đô thị hóa cao.
- Rà soát, xác định biên chế theo nhóm đơn vị khối quận huyện trên cơ sở quy mô, tính chất công việc, số đơn vị hành chính.

1.2. Biên chế viên chức năm 2020

Thực hiện giảm 1.000 biên chế viên chức theo đúng Công văn số 5897/BNV-TCBC ngày 27/11/2019 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Hà Nội năm 2020.

Nguyên tắc phân bổ:

- Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế: Trước mắt giữ nguyên biên chế được giao năm 2019. Số đề nghị tăng 3.048 biên chế giáo dục, y tế theo định mức theo Thông báo số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 về Kết luận của Bộ Chính trị bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế để đảm bảo “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp”, “có bệnh nhân thì phải có nhân viên y tế”; hiện đã được Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, sẽ giao bổ sung khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài giáo dục, y tế: Thực hiện giảm 2% biên chế viên chức giao năm 2015 theo chủ trương tinh giản biên chế.

- Tập trung chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ để giảm biên chế hưởng lương ngân sách (theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021).

- Đối với số 2.692 biên chế viên chức Bộ Nội vụ cho phép chưa giảm năm nay, giảm bù cho năm sau (theo quy định mỗi năm phải giảm 3.692 biên chế viên chức), để Thành phố cân đối biên chế thực hiện Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng BHXH từ 2015 trở về trước: Tạm thời đưa vào Quỹ dự phòng biên chế và sẽ báo cáo Thường trực HĐND Thành phố cho phép phân bổ trong năm cho các đơn vị trên cơ sở định mức và kết quả thực tế tuyển dụng đối với các giáo viên thuộc đối tượng xét tuyển đặc cách còn tiếp tục phải giải quyết.

1.3. Chỉ tiêu lao động hợp đồng định mức

- Đối với chỉ tiêu định mức trong cơ quan hành chính: Giảm toàn bộ 242 chỉ tiêu định mức đang giao tại Thanh tra Sở Xây dựng và 30 Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc UBND cấp huyện theo đúng Nghị quyết số 05/NQ-HĐND của HĐND Thành phố (yêu cầu chấm dứt trong năm 2019).

- Đối với chỉ tiêu định mức trong đơn vị sự nghiệp: Cơ bản giữ ổn định, riêng định mức cô nuôi thay đổi theo nhu cầu số trẻ hàng năm.

1.4. Chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (hợp đồng 68)

Theo Công văn số 522/BNV-CCVC ngày 12/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: Bộ Nội vụ đang tổng hợp số liệu hợp đồng 68 theo quy định và sẽ hướng dẫn cụ thể sau. Do vậy, trước mắt giữ nguyên chỉ tiêu hợp đồng 68 trong cơ quan hành chính. Đối với chỉ tiêu hợp đồng 68 trong đơn vị sự nghiệp: giảm 405 chỉ tiêu phải giảm hàng năm theo thẩm định của Bộ Nội vụ.

2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2020

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2020 và căn cứ nêu trên, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố xem xét về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của Thành phố năm 2020 như sau:

2.1. Biên chế hành chính: 9.479 biên chế, trong đó:

a. Biên chế công chức: 8.042 biên chế, giảm 185 biên chế so với năm 2019. Số giao đúng theo biên chế của Bộ Nội vụ giao năm 2020 tại Quyết định số 717/QĐ-BNV ngày 04/9/2019.

b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu, giữ nguyên so với năm 2019.

c. Lao động định mức: 0 chỉ tiêu, giảm 242 chỉ tiêu so với năm 2019.

2.2. Biên chế sự nghiệp: 142.564 biên chế, trong đó:

a. Biên chế viên chức: 122.765 biên chế (dự phòng: 2.793 biên chế), giảm 1.000 biên chế so với năm 2019, gồm:

- Giảm 3.721 biên chế hưởng lương ngân sách do chuyển 19 đơn vị sự nghiệp chuyển sang tự chủ chỉ thường xuyên.

- Giảm 51 biên chế tại đơn vị sự nghiệp khác (theo tỷ lệ giảm 2%).

(có danh sách chi tiết kèm theo)

- Tăng 2.692 biên chế để bố trí cho giáo viên thuộc đối tượng xét tuyển đặc cách theo Công văn số 5378/BNV-CCVC ngày 05/11/2019 của Bộ Nội vụ và một phần dự phòng phát sinh năm 2020, tạm thời đưa vào Quỹ dự phòng biên chế và sẽ phân bổ cho các trường trên cơ sở định mức và kết quả thực tế tuyển dụng đối với các giáo viên thuộc đối tượng xét tuyển đặc cách còn tiếp tục phải giải quyết.

- Tăng 80 biên chế viên chức bổ sung vào dự phòng phát sinh trong năm.

b. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.869 chỉ tiêu, giảm 405 chỉ tiêu so với năm 2019.

c. Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu, không thay đổi so với năm 2019.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6,7 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, hoàn thành Đề án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp công lập thuộc Thành phố; các trung tâm bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thành lập Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố trực thuộc Văn phòng Thành phố; thí điểm mô hình văn phòng tư vấn, cung ứng dịch vụ hành chính công tại quận Long Biên; sắp xếp các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo quy định; sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo tinh thần sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Triển khai có hiệu quả các bước thực hiện Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị đã được Bộ Chính trị thông qua.

3. Tập trung các giải pháp chuyên đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

4. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính. Tiếp tục xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Thành phố, đơn giản đến mức tối đa các thủ tục hành chính liên quan, xây dựng quy trình giải quyết công việc theo tinh thần 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả công việc) và “một việc - một đầu mối xuyên suốt”; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Triển khai tốt công tác đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

5. Triển khai thực hiện tốt Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

6. Chủ động rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới công tác tuyển dụng đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế tạo nguồn, trọng dụng tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao (gồm cả công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Thành phố) để thu hút và có chế độ đãi ngộ tương xứng. Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ.

7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức với công dân và các tổ chức, trên cơ sở duy trì nghiêm chế độ tự kiểm tra, giám sát, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP; *u*
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC, TKBT;
- Lưu: VT.

40149 - 120

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *or*



Nguyễn Văn Sửu

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số: **279** /TTr-UBND ngày **27/11/2019** của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHHĐ theo định mức	
	Tổng cộng	9 906	8 227	1 437	242	8 704	7 361	1 107	236	9 479	8 042	1 437		- 427	- 185		- 242	
I	Khối Sở ngành	4 303	3 429	857	17	3 637	3 019	601	17	4 223	3 359	864		- 80	- 70	7	- 17	
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 586	4 781	580	225	5 067	4 342	506	219	5 256	4 683	573		- 330	- 98	- 7	- 225	
III	Biên chế còn chưa phân bổ	17	17											- 17	- 17			
I	Khối Sở ngành	4 303	3 429	857	17	3 637	3 019	601	17	4 223	3 359	864		- 80	- 70	7	- 17	
1	Văn phòng UBND Thành phố	207	153	54		195	144	51		204	150	54		- 3	- 3			
2	Văn phòng HĐND Thành phố	67	53	14		56	42	14		66	52	14		- 1	- 1			
3	Sở Thông tin và Truyền thông	85	72	13		69	62	7		83	70	13		- 2	- 2			
4	Sở Nội vụ	169	128	41		141	111	30		166	125	41		- 3	- 3			
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	782	601	181		721	543	178		768	587	181		- 14	- 14			
6	Sở Công Thương	148	128	20		133	120	13		145	125	20		- 3	- 3			
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	180	163	17		169	156	13		177	160	17		- 3	- 3			
8	Sở Tài chính	243	225	18		198	190	8		238	220	18		- 5	- 5			
9	Sở Xây dựng	248	208	23	17	217	179	21	17	227	204	23		- 21	- 4		- 17	
10	Sở Giao thông Vận tải	718	427	291		467	356	111		715	417	298		- 3	- 10	7		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	122	103	19		102	85	17		120	101	19		- 2	- 2			
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	166	152	14		148	134	14		163	149	14		- 3	- 3			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	151	131	20		125	108	17		148	128	20		- 3	- 3			
14	Sở Y tế	187	154	33		154	131	23		186	153	33		- 1	- 1			
15	Sở Văn hóa và Thể thao	127	111	16		113	99	14		124	108	16		- 3	- 3			
16	Sở Du lịch	64	55	9		52	46	6		63	54	9		- 1	- 1			
17	Sở Tư pháp	86	76	10		77	70	7		84	74	10		- 2	- 2			
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8		33	25	8		41	33	8						
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	187	171	16		165	152	13		185	169	16		- 2	- 2			
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15		100	85	15		106	91	15						
21	Thanh tra Thành phố	125	117	8		121	114	7		122	114	8		- 3	- 3			
22	Ban Dân tộc	29	21	8		27	20	7		29	21	8						
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	65	56	9		54	47	7		63	54	9		- 2	- 2			
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 586	4 781	580	225	5 067	4 342	506	219	5 256	4 683	573		- 330	- 98	- 7	- 225	
1	Quận Hoàn Kiếm	229	188	28	13	217	177	27	13	210	182	28		- 19	- 6		- 13	
2	Quận Hai Bà Trưng	262	200	32	30	232	172	26	34	225	193	32		- 37	- 7		- 30	
3	Quận Ba Đình	206	175	18	13	183	160	10	13	188	170	18		- 18	- 5		- 13	
4	Quận Đống Đa	268	218	28	22	243	195	28	20	239	211	28		- 29	- 7		- 22	
5	Quận Tây Hồ	180	153	17	10	164	141	14	9	167	150	17		- 13	- 3		- 10	
6	Quận Thanh Xuân	179	151	18	10	160	134	16	10	167	149	18		- 12	- 2		- 10	
7	Quận Cầu Giấy	173	150	17	6	153	131	16	6	166	149	17		- 7	- 1		- 6	
8	Quận Hoàng Mai	207	171	17	19	190	154	17	19	187	170	17		- 20	- 1		- 19	
9	Quận Long Biên	194	161	13	20	176	152	4	20	166	160	6		- 28	- 1	- 7	- 20	
10	Quận Nam Từ Liêm	179	151	20	8	157	132	17	8	170	150	20		- 9	- 1		- 8	
11	Quận Bắc Từ Liêm	183	155	20	8	163	136	19	8	173	153	20		- 10	- 2		- 8	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020				TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
12	Quận Hà Đông	202	182	20		193	173	20		198	178	20		- 4	- 4			
13	Huyện Thanh Trì	210	182	18	10	199	174	15	10	196	178	18		- 14	- 4		- 10	
14	Huyện Gia Lâm	211	188	23		198	177	21		207	184	23		- 4	- 4			
15	Huyện Đông Anh	240	202	12	26	224	194	11	19	209	197	12		- 31	- 5		- 26	
16	Huyện Sóc Sơn	259	209	20	30	248	207	11	30	224	204	20		- 35	- 5		- 30	
17	Huyện Ba Vì	177	156	21		156	141	15		173	152	21		- 4	- 4			
18	Thị xã Sơn Tây	180	157	23		164	141	23		176	153	23		- 4	- 4			
19	Huyện Thạch Thất	152	140	12		139	130	9		148	136	12		- 4	- 4			
20	Huyện Phúc Thọ	143	129	14		123	115	8		142	128	14		- 1	- 1			
21	Huyện Đan Phượng	153	130	23		134	111	23		152	129	23		- 1	- 1			
22	Huyện Hoài Đức	154	142	12		129	120	9		153	141	12		- 1	- 1			
23	Huyện Quốc Oai	165	141	24		150	126	24		159	135	24		- 6	- 6			
24	Huyện Chương Mỹ	167	143	24		169	135	34		164	140	24		- 3	- 3			
25	Huyện Thanh Oai	137	125	12		115	102	13		136	124	12		- 1	- 1			
26	Huyện Thường Tín	148	135	13		142	128	14		145	132	13		- 3	- 3			
27	Huyện Ứng Hòa	157	133	24		129	112	17		156	132	24		- 1	- 1			
28	Huyện Phú Xuyên	148	133	15		133	120	13		145	130	15		- 3	- 3			
29	Huyện Mỹ Đức	160	136	24		156	135	21		156	132	24		- 4	- 4			
30	Huyện Mê Linh	163	145	18		128	117	11		159	141	18		- 4	- 4			
III	Biên chế còn chưa phân bổ	17	17											- 17	- 17			

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số: **279** /TTr-UBND ngày **27** / **11** /2019 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	
	Tổng cộng	2 499	143 969	123 765	11 274	8 930	118 223	100 856	9 805	7 562	2 512	142 564	122 765	10 869	8 930	- 1 405	- 1 000	- 405		
I	Giáo dục và đào tạo	2 162	114 818	98 709	7 572	8 537	96 892	83 052	6 643	7 197	2 183	114 764	98 707	7 520	8 537	- 54	- 2	- 52		
1	Đại học	1	386	371	15		259	250	9		1	386	371	15						
2	Trung học phổ thông	113	10 333	9 810	509	14	9 315	8 851	451	13	115	10 331	9 810	507	14	- 2		- 2		
3	Trung học cơ sở	596	27 288	25 205	2 077	6	22 265	20 430	1 831	4	598	27 283	25 205	2 072	6	- 5		- 5		
4	Tiểu học	690	32 097	29 672	2 417	8	26 438	24 247	2 183	8	696	32 093	29 672	2 413	8	- 4		- 4		
5	Mầm non	757	44 580	33 535	2 536	8 509	38 514	29 187	2 155	7 172	768	44 539	33 535	2 495	8 509	- 41		- 41		
6	Khác (khuyết tật)	5	134	116	18		101	87	14		5	132	114	18		- 2	- 2			
II	Giáo dục nghề nghiệp	52	3 771	3 421	346	4	2 820	2 521	292	7	50	3 384	3 054	326	4	- 387	- 367	- 20		
1	Cao đẳng	12	2 016	1 899	117		1 425	1 344	81		10	1 641	1 545	96		- 375	- 354	- 21		
2	Trung cấp	11	755	668	83	4	554	472	78	4	11	744	655	85	4	- 11	- 13	2		
3	Trung tâm GDTX-GDNN	29	1 000	854	146		841	705	133	3	29	999	854	145		- 1		- 1		
III	Khối sự nghiệp Y tế - Xã hội	78	18 097	15 531	2 566		13 510	11 271	2 239		78	14 626	12 322	2 304		- 3 471	- 3 209	- 262		
1	Khối Bệnh viện	17	4 663	4 271	392		3 187	2 849	338		17	1 233	1 069	164		- 3 430	- 3 202	- 228		
2	Khối Trung tâm Y tế	36	11 220	10 156	1 064		8 321	7 518	803		36	11 188	10 156	1 032		- 32		- 32		
3	Khối Trung tâm xã hội	25	2 214	1 104	1 110		2 002	904	1 098		25	2 205	1 097	1 108		- 9	- 7	- 2		
IV	Sự nghiệp khoa học	6	239	210	29		135	112	23		5	166	146	20		- 73	- 64	- 9		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng công	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng công	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng công	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng công	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
V	Sự nghiệp thông tin và truyền thông	3	101	97	4		78	75	3		3	101	97	4						
VI	Sự nghiệp văn hóa và thể thao	52	2 712	2 192	520		2 111	1 711	397	3	52	2 596	2 124	472		- 116	- 68	- 48		
VII	Sự nghiệp khác	56	3 534	3 123	204	207	2 050	1 684	172	194	51	3 458	3 061	190	207	- 76	- 62	- 14		
VII	Khối Hội	90	676	461	33	182	627	430	36	161	90	676	461	33	182					
VIII	Biên chế còn chưa phân bổ		21	21								2 793	2 793			2 772	2 772			
-	Biên chế dự phòng		21	21								101	101			80	80			
-	Biên chế để bổ sung cho Khối giáo dục											2 692	2 692			2 692	2 692			
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	253	33 646	29 820	3 599	227	26 039	22 760	3 068	211	250	29 982	26 470	301	227	-3 664	-3 350	- 314		
I	Văn phòng UBND Thành phố	1	30	29	1		8	8			1	30	29	1						
2	Sở Thông tin và Truyền thông	2	71	68	3		70	67	3		2	71	68	3						
3	Sở Nội vụ	1	24	24			17	16	1		1	24	24							
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11	2 078	1 760	111	207	954	658	102	194	11	2 058	1 743	108	207	- 20	- 17	- 3		
5	Sở Công Thương	1	79	70	9		55	50	5		1	77	69	8		- 2	- 1	- 1		
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	40	38	2		36	34	2		1	39	37	2		- 1	- 1			
7	Sở Tài chính	1	20	17	3		8	6	2		1	20	17	3						
8	Sở Giao thông Vận tải	2	92	78	14		74	67	7		2	90	77	13		- 2	- 1	- 1		
9	Sở Khoa học và Công nghệ	3	90	74	16		55	44	11		3	90	74	16						
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	34	2 810	1 635	1 175		2 424	1 265	1 159		34	2 790	1 615	1 175		- 20	- 20			
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	118	10 615	10 056	539	20	9 547	9 050	480	17	120	10 615	10 056	539	20					
12	Sở Y tế	53	15 883	14 427	1 456		11 508	10 367	1 141		53	12 421	11 225	1 196		- 3 462	- 3 202	- 260		
13	Sở Văn hóa và Thể thao	14	1 436	1 192	244		992	852	140		14	1 328	1 126	202		- 108	- 66	- 42		
14	Sở Tư pháp	7	173	161	12		163	154	9		3	149	139	10		- 24	- 22	- 2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	2	156	147	9		100	97	3		2	156	147	9						
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1	25	20	5		12	9	3							- 25	- 20	- 5		
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	1	24	24			16	16			1	24	24							
II	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	20	2 877	2 626	251		2 023	1 831	192		17	2 424	2 206	218		- 453	- 420	- 33		
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	3	216	122	94		176	98	78		3	211	120	91		- 5	- 2	- 3		
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	1	110	98	12		83	71	12		1	110	98	12						
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	2	77	73	4		50	47	3		2	76	72	4		- 1	- 1			
4	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	1	72	63	9		30	21	9							- 72	- 63	- 9		
5	Trường Đại học Thủ đô	1	386	371	15		259	250	9		1	386	371	15						
6	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	1	146	143	3		108	106	2		1	146	143	3						
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	1	227	213	14		131	123	8		1	226	213	13		- 1		- 1		
8	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	1	184	177	7		136	129	7							- 184	- 177	- 7		
9	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	1	187	177	10		154	145	9							- 187	- 177	- 10		
10	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	1	177	172	5		130	129	1		1	177	172	5						
11	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	1	144	129	15		112	97	15		1	144	129	15						
12	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	1	164	158	6		91	87	4		1	164	158	6						
13	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	1	160	152	8		124	120	4		1	159	152	7		- 1		- 1		
14	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	1	83	73	10		57	49	8		1	82	73	9		- 1		- 1		
15	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	1	252	245	7		172	168	4		1	252	245	7						
16	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	1	202	190	12		145	139	6		1	201	190	11		- 1		- 1		
17	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	1	90	70	20		65	52	13		1	90	70	20						
III	Khối Hội được giao biên chế	16	472	373	31	68	436	344	29	63	16	472	373	31	68					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	1	23	9	2	12	19	7	2	10	1	23	9	2	12					
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	1	16	14	2		10	8	2		1	16	14	2						
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	1	9	3	1	5	7	3	2	2	1	9	3	1	5					
4	Hội Chữ Thập Đỏ	1	21	19	2		21	19	2		1	21	19	2						
5	Hội Người mù	1	26		4	22	26		4	22	1	26		4	22					
6	Hội Luật gia	1	5	5			5	5			1	5	5							
7	Hội Nhà Báo	1	7	5	1	1	7	5	1	1	1	7	5	1	1					
8	Hội Đông Y	1	24	20	2	2	24	20	2	2	1	24	20	2	2					
9	Hội Khuyến học	1	1			1	1			1	1	1			1					
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	1	8		2	6	8		2	6	1	8		2	6					
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	1	48	27	2	19	48	27	2	19	1	48	27	2	19					
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	5	284	271	13		260	250	10		5	284	271	13						
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	2 211	106 953	90 925	7 393	8 635	89 725	75 921	6 516	7 288	2 229	106 893	90 923	7 335	8 635	- 60	- 2	- 58		
1	Quận Hoàn Kiếm	44	1 993	1 674	194	125	1 597	1 357	152	88	44	1 992	1 674	193	125	- 1		- 1		
2	Quận Hai Bà Trưng	69	3 156	2 693	236	227	2 435	2 042	222	171	69	3 153	2 693	233	227	- 3		- 3		
3	Quận Ba Đình	55	2 759	2 380	208	171	2 219	1 874	190	155	55	2 756	2 380	205	171	- 3		- 3		
4	Quận Đống Đa	70	3 414	2 901	273	240	2 867	2 481	234	152	70	3 411	2 901	270	240	- 3		- 3		
5	Quận Tây Hồ	32	1 679	1 434	114	131	1 431	1 219	103	109	32	1 678	1 434	113	131	- 1		- 1		
6	Quận Thanh Xuân	46	2 456	2 098	162	196	1 917	1 758	45	114	51	2 456	2 098	162	196					
7	Quận Cầu Giấy	42	2 696	2 352	150	194	2 104	1 865	148	91	42	2 696	2 352	150	194					
8	Quận Hoàng Mai	58	3 360	2 863	223	274	2 641	2 221	216	204	58	3 358	2 863	221	274	- 2		- 2		
9	Quận Long Biên	79	3 919	3 293	249	377	2 996	2 547	142	307	80	3 917	3 293	247	377	- 2		- 2		
10	Quận Nam Từ Liêm	43	2 254	1 926	139	189	1 643	1 350	139	154	45	2 250	1 924	137	189	- 4	- 2	- 2		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng công	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng công	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng công	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	Tổng công	Viên chức	LDHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHĐ theo định mức	
11	Quận Bắc Từ Liêm	45	2 674	2 291	158	225	2 092	1 770	157	165	49	2 674	2 291	158	225					
12	Quận Hà Đông	93	4 713	4 035	255	423	3 776	3 297	78	401	95	4 709	4 035	251	423	- 4		- 4		
13	Huyện Thanh Trì	75	4 021	3 375	296	350	3 040	2 451	290	299	75	4 019	3 375	294	350	- 2		- 2		
14	Huyện Gia Lâm	80	3 914	3 312	287	315	3 169	2 648	225	296	82	3 912	3 312	285	315	- 2		- 2		
15	Huyện Đông Anh	97	5 530	4 745	291	494	4 732	4 080	288	364	96	5 529	4 745	290	494	- 1		- 1		
16	Huyện Sóc Sơn	106	5 540	4 724	402	414	4 698	3 912	402	384	109	5 538	4 724	400	414	- 2		- 2		
17	Huyện Ba Vì	116	5 274	4 386	456	432	4 694	3 863	445	386	116	5 271	4 386	453	432	- 3		- 3		
18	Thị xã Sơn Tây	51	2 322	1 969	176	177	2 026	1 694	166	166	51	2 320	1 969	174	177	- 2		- 2		
19	Huyện Thạch Thất	81	3 699	3 168	255	276	3 213	2 886	99	228	81	3 696	3 168	252	276	- 3		- 3		
20	Huyện Phúc Thọ	79	3 313	2 813	222	278	2 740	2 284	217	239	79	3 311	2 813	220	278	- 2		- 2		
21	Huyện Đan Phượng	57	2 809	2 400	182	227	2 251	1 859	181	211	57	2 808	2 400	181	227	- 1		- 1		
22	Huyện Hoài Đức	82	4 277	3 630	232	415	3 567	3 020	186	361	82	4 274	3 630	229	415	- 3		- 3		
23	Huyện Quốc Oai	78	3 790	3 196	292	302	3 379	2 799	292	288	78	3 788	3 196	290	302	- 2		- 2		
24	Huyện Chương Mỹ	115	4 893	4 173	328	392	4 333	3 683	328	322	115	4 892	4 173	327	392	- 1		- 1		
25	Huyện Thanh Oai	74	3 409	2 917	210	282	3 064	2 621	207	236	74	3 407	2 917	208	282	- 2		- 2		
26	Huyện Thường Tín	93	4 025	3 476	268	281	3 670	3 137	267	266	93	4 023	3 476	266	281	- 2		- 2		
27	Huyện Ứng Hòa	95	3 569	3 022	277	270	3 187	2 665	265	257	95	3 566	3 022	274	270	- 3		- 3		
28	Huyện Phú Xuyên	93	4 003	3 402	266	335	3 569	3 012	247	310	93	4 000	3 402	263	335	- 3		- 3		
29	Huyện Mỹ Đức	84	3 803	3 139	368	296	3 547	2 879	368	300	84	3 802	3 139	367	296	- 1		- 1		
30	Huyện Mê Linh	79	3 689	3 138	224	327	3 128	2 647	217	264	79	3 687	3 138	222	327	- 2		- 2		
V	Biên chế còn chưa phân bổ		21	21								2 793	2 793			2 772	2 772			
-	Biên chế dự phòng		21	21								101	101			80	80			
-	Biên chế để bổ sung cho Khối giáo dục											2 692	2 692			2 692	2 692			

DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ DỰ KIẾN CHUYỂN SANG TỰ CHỦ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: ~~279~~ /TTr-UBND ngày ~~28~~ / 11 /2019 của UBND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019					SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức	
	Dự kiến đưa ra tự chủ năm 2020										19	4 004	3 721	283		4 004	3 721	283		
1	Sở Y tế										11	3 427	3 202	225		3 427	3 202	225		
1	BV ĐK Sơn Tây										1	479	444	35		479	444	35		Tự chủ 2019
2	BV ĐK Sóc Sơn										1	387	362	25		387	362	25		Tự chủ 2019
3	BV ĐK H. Phúc Thọ										1	228	218	10		228	218	10		Tự chủ 2019
4	BV ĐK H.Hoài Đức										1	309	283	26		309	283	26		Tự chủ 2019
5	BV ĐK H.Thanh Oai										1	240	217	23		240	217	23		Tự chủ 2019
6	BV ĐK H.Mỹ Đức										1	274	247	27		274	247	27		Tự chủ 2019
7	BVĐK H. Thường Tín										1	300	278	22		300	278	22		Tự chủ 2019
8	BV ĐK H.Phú Xuyên										1	312	298	14		312	298	14		Tự chủ 2020
9	BV ĐK H. Mê Linh										1	340	326	14		340	326	14		Tự chủ 2019
10	BV YHCT Hà Đông										1	220	213	7		220	213	7		Tự chủ 2019
11	BV Phổi HN										1	338	316	22		338	316	22		Tự chủ 2020
2	Sở Văn hóa và Thể thao										2	85	60	25		85	60	25		
1	Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò										1	20	15	5		20	15	5		Tự chủ 2019
2	Ban Quản lý di tích danh thắng										1	65	45	20		65	45	20		Tự chủ 2020
3	Sở Quy hoạch Kiến trúc										1	25	20	5		25	20	5		
1	Ban QLDA Quy hoạch xây dựng										1	25	20	5		25	20	5		Tự chủ 2018
4	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc TP										2	371	354	17		371	354	17		
1	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội										1	184	177	7		184	177	7		Tự chủ 2019
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông										1	187	177	10		187	177	10		Tự chủ 2019

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2019				SỐ CỎ MẤT ĐẾN 01/10/2019				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2020						TÀNG, GIÁM SO VỚI NĂM 2019				Ghi chú
		Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Số lượng đơn vị	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	Tổng cộng	Viên chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức	
5	Sở Tư pháp										2	24	22	2			24	22	2	
1	Phòng công chứng số 8										1	12	11	1			12	11	1	Tự chỉ 2020
2	Phòng công chứng số 9										1	12	11	1			12	11	1	Tự chỉ 2020
6	Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội										1	72	63	9			72	63	9	
1	Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc và Quy hoạch đô thị, nông thôn										1	72	63	9			72	63	9	Tự chỉ 2020

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NĂM
(từ ngày /12/2019 đến ngày /12/2019)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 2019 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2020; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2020 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 9.479 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 8.042 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.437 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 142.564 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 122.765 biên chế (gồm dự phòng: 2.793 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.869 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.930 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2020, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thông nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2020.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6,7 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, hoàn thành Đề án sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp công lập thuộc Thành phố; các trung tâm bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thành lập Trung tâm Điều hành thông minh Thành phố trực thuộc Văn phòng Thành phố; thí điểm mô hình văn phòng tư vấn, cung ứng dịch vụ hành chính công tại quận Long Biên; sắp xếp các xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo quy định; sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo tinh thần sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP về tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện. Triển khai có hiệu quả các bước thực hiện Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị đã được Bộ Chính trị thông qua.

4. Tập trung các giải pháp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo thực hiện chỉ tiêu đến năm 2021 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

5. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính. Tiếp tục xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Thành phố, đơn giản đến mức tối đa các thủ tục hành chính liên quan, xây dựng quy trình giải quyết công việc theo tinh thần 5 rõ (rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả công việc) và “một việc - một đầu mối xuyên suốt”; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Triển khai tốt công tác đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

6. Triển khai thực hiện tốt Nghị định 113/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

7. Chủ động rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới công tác tuyển dụng đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế tạo nguồn, trọng dụng tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao (gồm cả công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Thành phố) để thu hút và có chế độ đãi ngộ tương xứng. Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ.

8. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức với công dân và các tổ chức, trên cơ sở duy trì nghiêm chế độ tự kiểm tra, giám sát, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị. Thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2019 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
	Tổng cộng	9 479	8 042	1 437
I	Khối Sở ngành	4 216	3 359	857
1	Văn phòng UBND Thành phố	204	150	54
2	Văn phòng HĐND Thành phố	66	52	14
3	Sở Thông tin và Truyền thông	83	70	13
4	Sở Nội vụ	166	125	41
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	768	587	181
6	Sở Công Thương	145	125	20
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	177	160	17
8	Sở Tài chính	238	220	18
9	Sở Xây dựng	227	204	23
10	Sở Giao thông Vận tải	708	417	291
11	Sở Khoa học và Công nghệ	120	101	19
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	163	149	14
13	Sở Giáo dục và đào tạo	148	128	20

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
14	Sở Y tế	186	153	33
15	Sở Văn hóa và Thể thao	124	108	16
16	Sở Du lịch	63	54	9
17	Sở Tư pháp	84	74	10
18	Sở Ngoại vụ	41	33	8
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	185	169	16
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	106	91	15
21	Thanh tra Thành phố	122	114	8
22	Ban Dân tộc	29	21	8
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	63	54	9
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 263	4 683	580
1	Quận Hoàn Kiếm	210	182	28
2	Quận Hai Bà Trưng	225	193	32
3	Quận Ba Đình	188	170	18
4	Quận Đống Đa	239	211	28
5	Quận Tây Hồ	167	150	17
6	Quận Thanh Xuân	167	149	18
7	Quận Cầu Giấy	166	149	17
8	Quận Hoàng Mai	187	170	17
9	Quận Long Biên	173	160	13
10	Quận Nam Từ Liêm	170	150	20

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2020		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
11	Quận Bắc Từ Liêm	173	153	20
12	Quận Hà Đông	198	178	20
13	Huyện Thanh Trì	196	178	18
14	Huyện Gia Lâm	207	184	23
15	Huyện Đông Anh	209	197	12
16	Huyện Sóc Sơn	224	204	20
17	Huyện Ba Vì	173	152	21
18	Thị xã Sơn Tây	176	153	23
19	Huyện Thạch Thất	148	136	12
20	Huyện Phúc Thọ	142	128	14
21	Huyện Đan Phượng	152	129	23
22	Huyện Hoài Đức	153	141	12
23	Huyện Quốc Oai	159	135	24
24	Huyện Chương Mỹ	164	140	24
25	Huyện Thanh Oai	136	124	12
26	Huyện Thường Tín	145	132	13
27	Huyện Ứng Hòa	156	132	24
28	Huyện Phú Xuyên	145	130	15
29	Huyện Mỹ Đức	156	132	24
30	Huyện Mê Linh	159	141	18

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2019 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
	Tổng cộng	142 564	122 765	10 869	8 930
I	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	29 982	26 470	3 285	227
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	71	68	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 058	1 743	108	207
5	Sở Công Thương	77	69	8	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	37	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Giao thông Vận tải	90	77	13	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	90	74	16	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 790	1 615	1 175	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 615	10 056	539	20
12	Sở Y tế	12 421	11 225	1 196	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 328	1 126	202	
14	Sở Tư pháp	149	139	10	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	156	147	9	
16	Sở Quy hoạch Kiến trúc				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	24	24		
II	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	2 424	2 206	218	
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	211	120	91	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	110	98	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	76	72	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	146	143	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	226	213	13	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	144	129	15	
9	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6	
10	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	159	152	7	
11	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	82	73	9	
12	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	252	245	7	
13	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	201	190	11	
14	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
III	Khối Hội được giao biên chế	472	373	31	68
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	1	5
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	5		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
8	Hội Đông Y	24	20	2	2
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
IV	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc quận, huyện, thị xã	106 893	90 923	7 335	8 635
1	Quận Hoàn Kiếm	1 992	1 674	193	125
2	Quận Hai Bà Trưng	3 153	2 693	233	227
3	Quận Ba Đình	2 756	2 380	205	171
4	Quận Đống Đa	3 411	2 901	270	240
5	Quận Tây Hồ	1 678	1 434	113	131
6	Quận Thanh Xuân	2 456	2 098	162	196
7	Quận Cầu Giấy	2 696	2 352	150	194
8	Quận Hoàng Mai	3 358	2 863	221	274
9	Quận Long Biên	3 917	3 293	247	377
10	Quận Nam Từ Liêm	2 250	1 924	137	189
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 674	2 291	158	225
12	Quận Hà Đông	4 709	4 035	251	423
13	Huyện Thanh Trì	4 019	3 375	294	350
14	Huyện Gia Lâm	3 912	3 312	285	315
15	Huyện Đông Anh	5 529	4 745	290	494
16	Huyện Sóc Sơn	5 538	4 724	400	414

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2020			
		Tổng cộng	Biên chế viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
17	Huyện Ba Vì	5 271	4 386	453	432
18	Thị xã Sơn Tây	2 320	1 969	174	177
19	Huyện Thạch Thất	3 696	3 168	252	276
20	Huyện Phúc Thọ	3 311	2 813	220	278
21	Huyện Đan Phượng	2 808	2 400	181	227
22	Huyện Hoài Đức	4 274	3 630	229	415
23	Huyện Quốc Oai	3 788	3 196	290	302
24	Huyện Chương Mỹ	4 892	4 173	327	392
25	Huyện Thanh Oai	3 407	2 917	208	282
26	Huyện Thường Tín	4 023	3 476	266	281
27	Huyện Ứng Hòa	3 566	3 022	274	270
28	Huyện Phú Xuyên	4 000	3 402	263	335
29	Huyện Mỹ Đức	3 802	3 139	367	296
30	Huyện Mê Linh	3 687	3 138	222	327
V	Biên chế còn chưa phân bổ	2 793	2 793		